

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v: “Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266 – 268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H – Phó Giám đốc Chi nhánh Long Khánh kiêm trưởng phòng giao dịch Phương Lâm - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (theo quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc). Ông Nguyễn Minh H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T – Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (theo giấy ủy quyền số 05/2024, ngày 04/6/2024).

Địa chỉ: Ấp Ng L, xã Ph Th, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Tr – sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ T – sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã N T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Tr, bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ngày 27/3/2023, Ngân hàng A (viết tắt: Ngân hàng) cho vợ chồng ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T vay số tiền 2.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 các bên đã ký kết. Thời hạn vay là 12 tháng được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và các chi phí khác có liên quan.

Lãi suất cho vay 13%/năm áp dụng cho 3 tháng đầu tiên, kể từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn được Ngân hàng niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn. Cụ thể các lần Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Tr, bà T như sau:

Ngày 29/3/2023, Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Tr, bà T số tiền 900.000.000 đồng tại giấy nhận nợ số LD 2308800221, ngày 27/3/2023. Ngày 28/3/2023, Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Tr, bà T số tiền 900.000.000 đồng tại giấy nhận nợ số LD 2308701197, ngày 27/3/2023. Ngày 30/3/2023, Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Tr, bà T số tiền 700.000.000 đồng tại nhận nợ số LD 2308900146, ngày 29/3/2023. Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân cho vợ chồng ông Tr, bà T là 2.500.000.000 đồng.

Khi vay vợ chồng ông Tr, bà T có thể chấp cho Ngân hàng đối với thửa đất số 1608, diện tích 1651,6m², tờ bản đồ 13, tọa lạc tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày DH 098815 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/10/2022 cho ông Nguyễn Minh Tr theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335/TC, ngày 27/3/2023 đã được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Lại Thị Kim Sơn số công chứng 1526, quyền số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/3/2023.

Trong quá trình vay vợ chồng ông Tr, bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ lãi 254.872.944 đồng và còn gốc 2.500.000.000 đồng. Đến tháng 02/2024, ông Tr và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân chuyển sang nợ quá hạn và khởi kiện.

Do ông Tr, bà T vay số tiền 2.500.000.000 đồng có thể chấp tài sản bảo đảm nên ông Tr, bà T được cấp thẻ tín dụng như sau:

- Ngày 31/3/2023, ông Nguyễn Minh Tr có ký hợp đồng về giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho cá nhân số thẻ là 472074-4285 (viết tắt: hợp đồng thẻ tín dụng) với Ngân hàng về hạn mức được cấp 100.000.000 đồng. Thời hạn 06 năm, kể từ ngày được cấp tín dụng.

Ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Minh Tr thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại cây ATM và rút số tiền 90.100.000 đồng. Lãi suất được tính thời điểm rút tiền ngày 10/5/2023 là 2,22%/tháng và lãi suất quá hạn 150% trong hạn. Trong quá trình vay ông Tr đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc 1.824.351 đồng và thanh toán tiền lãi 24.982.777 đồng tính đến ngày 10/3/2024.

- Ngày 31/3/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ T có ký hợp đồng về giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho cá nhân số thẻ 472074-7079 (viết tắt: hợp

đồng thẻ tín dụng) với Ngân hàng với hạn mức được cấp 100.000.000 đồng. Thời hạn 06 năm, kể từ ngày được cấp tín dụng.

Ngày 10/5/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ T thực hiện giao dịch rút tiền mặt tại cây ATM và rút số tiền 90.000.000 đồng. Lãi suất được tính thời điểm rút tiền ngày 10/5/2023 là 2,22%/tháng và lãi suất quá hạn 150% trong hạn. Trong quá trình vay bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc 1.325.798 đồng và thanh toán tiền lãi 25.044.337 đồng tính đến ngày 10/3/2024.

Từ ngày 11/3/2024 đến nay ông Tr, bà T không thanh toán tiền lãi và gốc cho Ngân hàng mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc, gọi điện nhưng ông Tr vẫn không có thiện chí trả nợ. Khoản nợ của ông Tr, bà T được Ngân hàng chuyển sang nợ nhóm 3 (nợ xấu), với mức lãi suất áp dụng cho ông Tr, bà T khi chuyển nhóm nợ xấu là 3,33%/tháng. Do, ông Tr, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tháng 3/2024, Ngân hàng đã thực hiện khóa thẻ tín dụng của ông Trung, bà Tâm.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số tiền 2.939.639.711 đồng, tất cả tính đến ngày 16/9/2024, trong đó:

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 số tiền 2.726.549.852 đồng, trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.365.687 đồng, lãi quá hạn 182.013.698 đồng, phạt lãi quá hạn 2.170.467 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên ông Nguyễn Minh Tr số tiền 106.303.674 đồng, trong đó nợ gốc 88.275.649 đồng, nợ lãi trong hạn 7.615.721 đồng, nợ lãi quá hạn 10.412.304 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 106.786.185 đồng, trong đó nợ gốc 88.674.202 đồng, nợ lãi trong hạn 7.652.443 đồng, nợ lãi quá hạn 10.459.540 đồng.

2. Kể từ ngày 17/9/2024, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 và giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân 31/3/2023 (hợp đồng thẻ tín dụng) cho đến khi thi tất toán xong khoản vay.

3. Trường hợp ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T không thanh toán được toàn bộ khoản nợ gốc và lãi hoặc không trả hết nợ trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 13, diện tích 1651,6 m² tọa lạc tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 098815, ngày 24/10/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Minh Tr để thu hồi nợ.

Tài sản trên đã được ông Nguyễn Minh Tr thế chấp cho Ngân hàng A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335/TC, ngày 27/3/2023, số công chứng 1526, quyển số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng công chứng Lại Thị Kim Sơn vào ngày 27/3/2023 để thu hồi số tiền nợ gốc và nợ lãi.

4. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ vay.

- *Về chi phí tố tụng*: Số tiền 5.000.000 đồng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí*: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T không có mặt để trình bày ý kiến mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Ông Trung, bà Tâm không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn ông Tr, bà T không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 2.939.639.711 đồng, tất cả tính đến ngày 16/9/2024, trong đó:

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 số tiền 2.726.549.852 đồng, trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.365.687 đồng, lãi quá hạn 182.013.698 đồng, phạt lãi quá hạn 2.170.467 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên ông Nguyễn Minh Tr số tiền 106.303.674 đồng, trong đó nợ gốc 88.275.649 đồng, nợ lãi trong hạn 7.615.721 đồng, nợ lãi quá hạn 10.412.304 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 106.786.185 đồng, trong đó nợ gốc 88.674.202 đồng, nợ lãi trong hạn 7.652.443 đồng, nợ lãi quá hạn 10.459.540 đồng.

- *Về chi phí tố tụng và án phí*: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nơi cư trú tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện ông Nguyễn Minh Trung, bà Nguyễn Thị Mỹ T trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng A là người khởi kiện ông Tr, bà T nên xác định tư cách đương sự Ngân hàng A là nguyên đơn và ông Tr, bà T là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 26/8/2024, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 16/9/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr, bà T theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr và bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số tiền 2.939.639.711 đồng, tất cả tính đến ngày 16/9/2024, trong đó:

Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 số tiền 2.726.549.852 đồng, trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 42.365.687 đồng, lãi quá hạn 182.013.698 đồng, phạt lãi quá hạn 2.170.467 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên ông Nguyễn Minh Tr số tiền 106.303.674 đồng, trong đó nợ gốc 88.275.649 đồng, nợ lãi trong hạn 7.615.721 đồng, nợ lãi quá hạn 10.412.304 đồng.

Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 106.786.185 đồng, trong đó nợ gốc 88.674.202 đồng, nợ lãi trong hạn 7.652.443 đồng, nợ lãi quá hạn 10.459.540 đồng.

Kể từ ngày 17/9/2024, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 và giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân 31/3/2023 (hợp đồng thẻ tín dụng) cho đến khi thi tất toán xong khoản vay.

[2.1] Về hình thức của Hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 (viết tắt Hợp đồng tín dụng) và giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ

tín dụng cá nhân ngày 31/3/2023 (hợp đồng thẻ tín dụng) giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T:

Ngân hàng A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2023 và hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện, người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2023 và hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng, giấy nhận nợ ngày 27/3/2023 và ngày 29/3/2023, bảng kê tính lãi và các chứng cứ khác có trong vụ án có cơ sở xác định ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có ký kết hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 để vay số tiền 2.500.000.000 đồng và cấp cho ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 với hạn mức là 200.000.000 đồng (trong đó cấp cho ông Tr hạn mức là 100.000.000 đồng và cấp cho bà T hạn mức là 100.000.000 đồng).

Trong quá thực hiện nghĩa vụ ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền lãi là 254.872.936 đồng tính đến ngày 27/01/2024 theo hợp đồng tín dụng và thanh toán được số tiền gốc 3.150.149 đồng, tiền lãi 50.027.154 đồng tính đến ngày 10/3/2024 theo hợp đồng thẻ tín dụng (trong đó: ông Tr thanh toán được số tiền gốc 1.824.351 đồng, tiền lãi 24.982.777 đồng và bà T đã thanh toán được số tiền gốc 1.325.798 đồng, tiền lãi 25.044.377 đồng). Từ ngày 28/01/2024 và ngày 11/3/2024 ông Tr, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ ngày 27/3/2023, ngày 29/3/2023 và hợp đồng thẻ tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả nợ gốc 2.500.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2022 và số tiền 176.949.851 đồng của hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 (Trong đó: Ông Trung số tiền 88.275.649 đồng, bà Tâm số tiền 88.674.202 đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải trả được

tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên của hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ ngày 27/3/2023, ngày 29/3/2023 và hợp đồng thế tín dụng, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Hiện nay, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi 254.872.944 đồng của hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2023 và thanh toán được số tiền lãi 50.027.114 đồng (trong đó: ông T là 24.982.777 đồng, bà T là 25.044.337 đồng) của hợp đồng thế tín dụng ngày 31/3/2023.

Từ ngày 28/01/2024 và ngày 11/3/2024, ông Tr, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn 42.365.687 đồng, lãi quá hạn 182.013.698 đồng, phạt lãi quá hạn 2.170.467 đồng của hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 và số tiền lãi trong hạn 15.268.164 đồng, lãi quá hạn 20.871.844 đồng (trong đó: ông Tr lãi trong hạn 7.615.721 đồng, lãi quá hạn 10.412.304 đồng; bà T lãi trong hạn 7.652.443 đồng, lãi quá hạn 10.459.540 đồng) của hợp đồng thế tín dụng ngày 31/3/2023, tất cả tính ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2024) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 17/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng tín dụng số 202327006468 ngày 27/3/2023 và hợp đồng thế tín dụng ngày 31/3/2023 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Xét ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Trung, bà Tâm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng A:

Để đảm bảo khoản vay số tiền 2.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202327006468 ngày 27/3/2023, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có thể chấp cho Ngân hàng là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 13, diện tích 1651,6m², tọa lạc tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 098815 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24/10/2022 cho ông Nguyễn Minh Tr theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335/TC, ngày 27/3/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Lại Thị Kim Sơn, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/3/2023.

Xét thấy tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335 ngày 27/3/2023 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Minh Tr, các bên hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng tại

Văn phòng công chứng Lại Thị Kim Sơn, tỉnh Đồng Nai và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh huyện Tân Phú về đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 27/3/2023 là phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện nên tài sản thế chấp được xử lý theo Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không hết cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay thì ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ vay.

[3] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng nên ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng A.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 90.792.794 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 299, Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 2.939.639.711^d (hai tỷ chín trăm ba mươi chín triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm mười một đồng), tất cả tính đến ngày 16/9/2024, trong đó:

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 số tiền 2.726.549.852^d (hai tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm năm mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc 2.500.000.000^d (hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi trong hạn 42.365.687^d (bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng), lãi quá hạn 182.013.698^d (một trăm tám mươi hai triệu không trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi tám đồng), phạt lãi quá hạn 2.170.467^d (hai triệu một trăm bảy mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

- Đối với khoản vay theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên ông Nguyễn Minh Tr số tiền 106.303.674^d (một trăm lẻ sáu triệu ba trăm lẻ ba ngàn sáu trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc 88.275.649^d (tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi trong hạn 7.615.721^d (bảy triệu sáu trăm mười lăm ngàn bảy trăm hai mươi một đồng), nợ lãi quá hạn 10.412.304^d (mười triệu bốn trăm mười hai ngàn ba trăm lẻ bốn đồng).

- Đối với khoản vay hợp đồng thẻ tín dụng ngày 31/3/2023 mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 106.786.185^d (một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn một trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 88.674.202^d (tám mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm lẻ hai đồng), nợ lãi trong hạn 7.652.443^d (bảy triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bốn trăm bốn mươi ba đồng), nợ lãi quá hạn 10.459.540^d (mười triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn năm trăm bốn mươi đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 202327006468, ngày 27/3/2023 và giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 31/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Sau khi ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T trả hết số tiền nêu trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có trách nhiệm giải chấp và giao trả cho ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DH 098815 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Minh Tr vào ngày 24/10/2022 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335/TC, ngày 27/3/2023 được công chứng tại Văn phòng công chứng Lại Thị Kim Sơn vào ngày 27/3/2023. Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/3/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú.

3. Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu Thi hành án nếu ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phá t mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1608, tờ bản đồ số 13, diện tích 1651,6m², tọa lạc tại xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác g ắn liền với đất số BH098815 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Nguyễn Minh Tr vào ngày 24/10/2022.

Tài sản trên đã được ông Nguyễn Minh Tr thế chấp cho Ngân hàng A theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1381-5335/TC, ngày 27/3/2023, số công chứng 1526, quyền số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng Lại Thị Kim Sơn, tỉnh Đồng Nai công chứng ngày 27/3/2023 để thu hồi tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thanh toán toàn bộ nợ vay thì ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ vay.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000^d (năm triệu đồng).

5. Về án phí: Ông Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 90.792.794^d (chín mươi triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 43.979.000^d (bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng) theo biên lai số 0013215, ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

6. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức